

TIỂU LUẬN MÔN: CƠ HỌC XÂY DỰNG

1. YÊU CẦU BÀI LÀM:

-  Bài tập làm trên khổ giấy A4 một mặt, có kẻ khung viền, có đánh số trang, chữ viết rõ ràng, không gôm, xóa.
-  Bìa cứng, trang bìa trên cùng ghi tên Trường..., Bộ môn..... Ở giữa ghi: Tiểu luận CƠ HỌC XÂY DỰNG. Ở dưới bên phải ghi họ và tên giáo viên, tên sinh viên, lớp và ngày hoàn thành.

(nếu sinh viên thực hiện không đúng các quy định trên thì không nhận bài)

2. HƯỚNG DẪN PHÂN CÔNG ĐỀ BÀI.

Sinh viên dựa vào **số thứ tự** trong danh sách lớp của Phòng Đào Tạo để nhận số liệu và các sơ đồ theo nguyên tắc sau:

Số hàng đơn vị trong số thứ tự chỉ sơ đồ tính đã cho.

Số hàng chục trong số thứ tự chỉ cột tải trọng, kích thước.

Ví dụ: Anh Nguyễn Văn A. có số thứ tự **03** thì làm bài có **sơ đồ là 3** và số liệu $a = 2\text{m}$

3. BẢNG SỐ LIỆU.

STT	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
a (m)	2	2,5	3	3	2,5	2	2	2,5	3	2

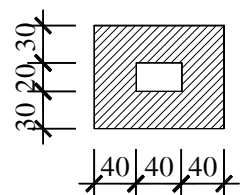
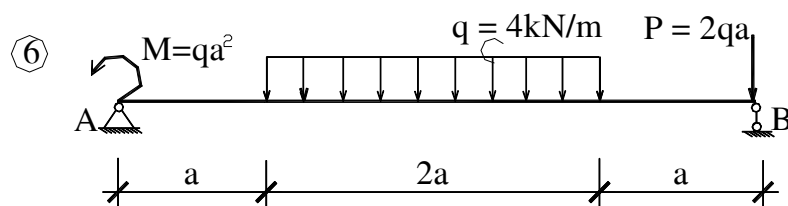
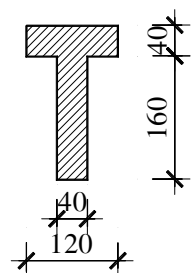
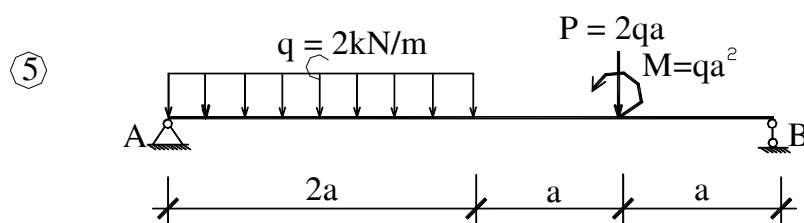
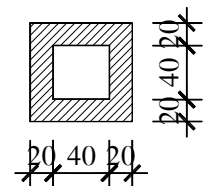
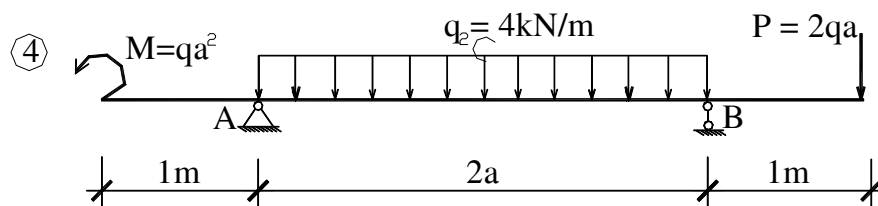
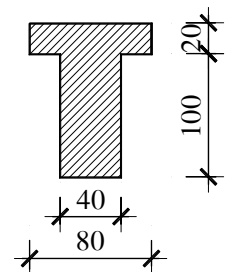
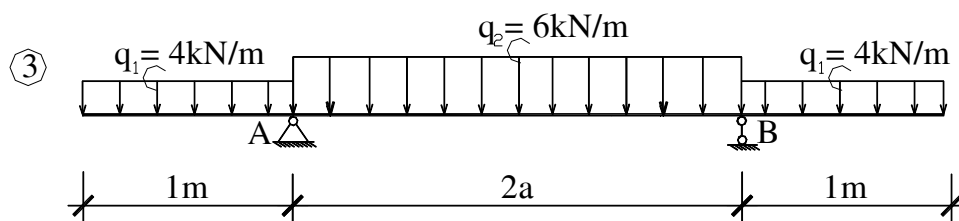
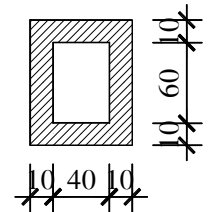
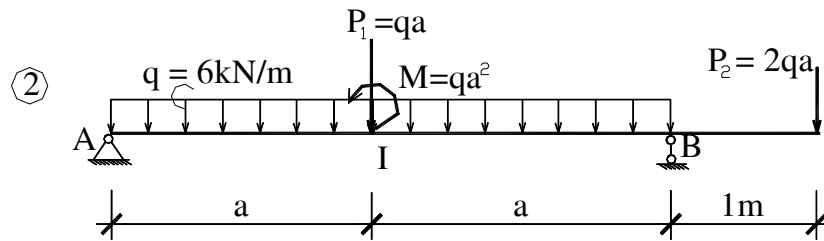
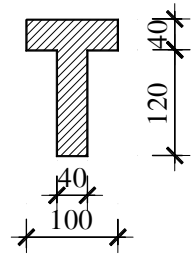
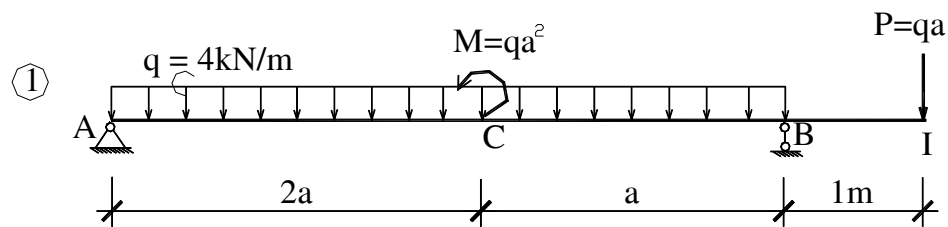
PHẦN A.

ĐỀ BÀI: Cho dầm có kích thước, sơ đồ chịu lực và mặt cắt như hình vẽ.

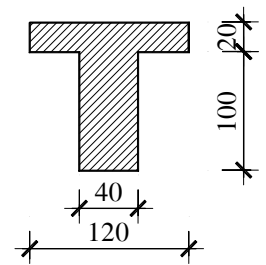
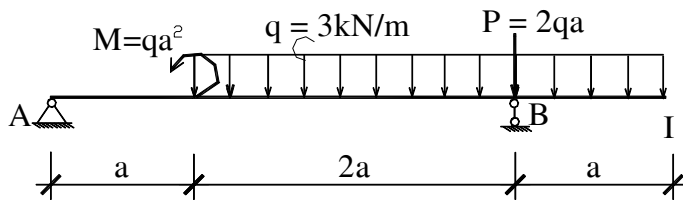
Biết: Vật liệu có $[\sigma] = 14 \text{ kN/cm}^2$.

Yêu cầu:

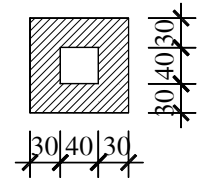
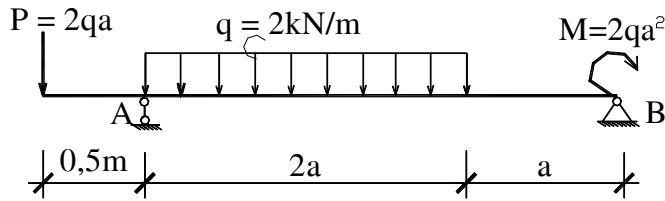
- 1) **Vẽ biểu đồ nội lực Q_y , M_x bằng phương pháp mặt cắt.**
- 2) **Kiểm tra lại biểu đồ đã vẽ bằng phương pháp vẽ nhanh.**
- 3) **Kiểm tra bền cho dầm theo điều kiện ứng suất pháp cho phân tố ở trạng thái ứng suất đơn.**
- 4) **Kiểm tra bền cho dầm theo điều kiện ứng suất tiếp lớn nhất cho phân tố ở trạng thái ứng suất trượt thuần túy.**
- 5) **Kiểm tra bền cho phân tố ở trạng thái ứng suất phẳng đặc biệt.**
(Kiểm tra theo thuyết bền 3).



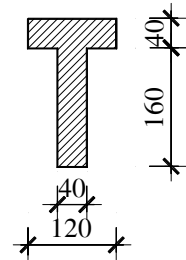
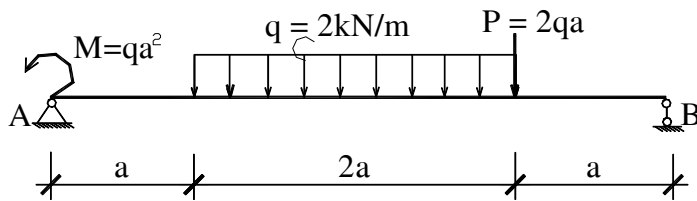
⑦



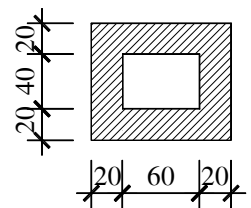
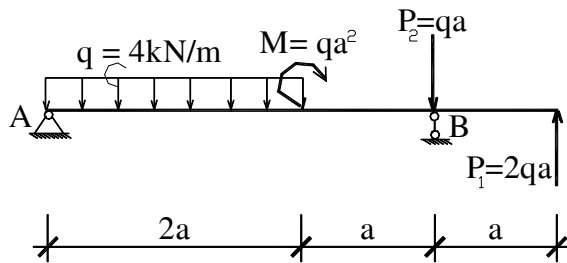
⑧



⑨



⑩



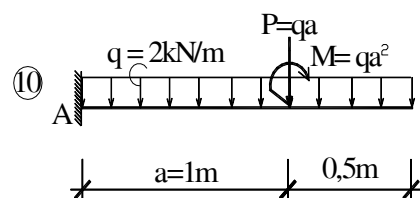
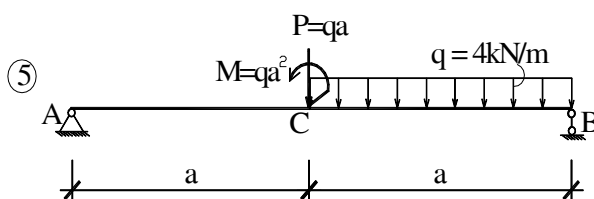
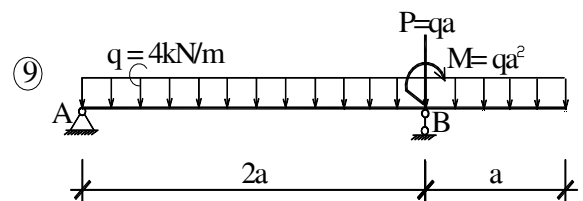
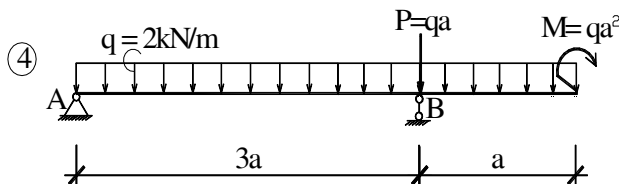
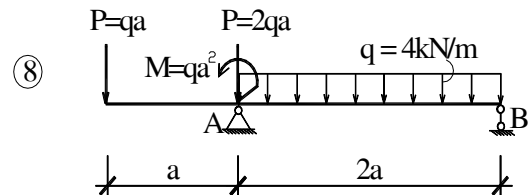
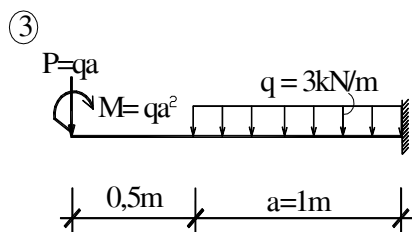
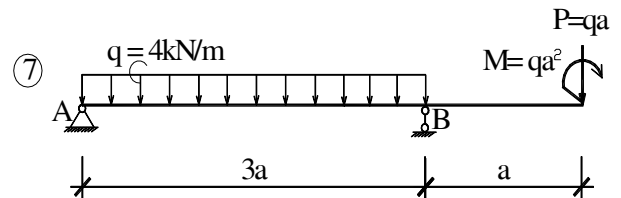
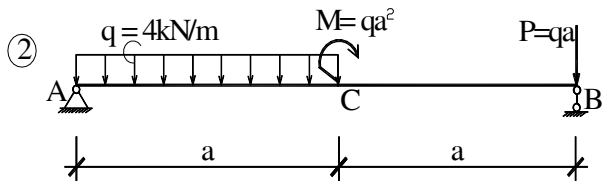
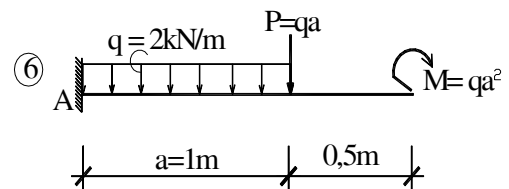
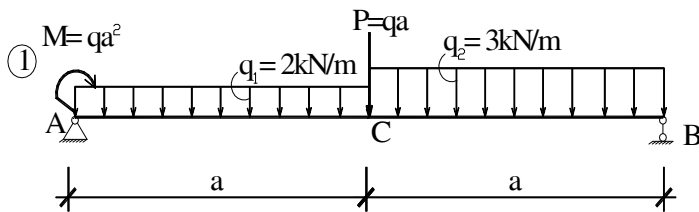
PHẦN B.

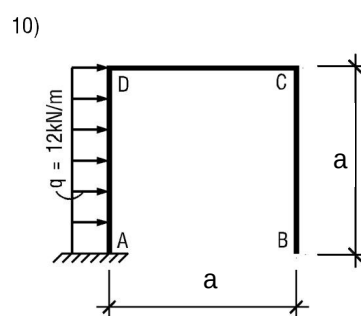
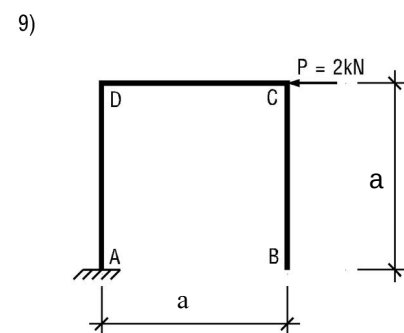
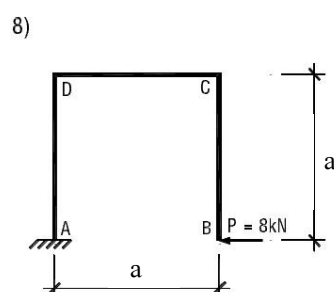
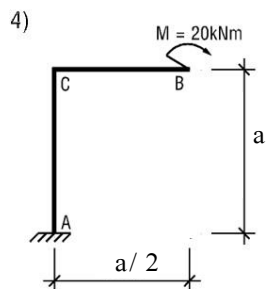
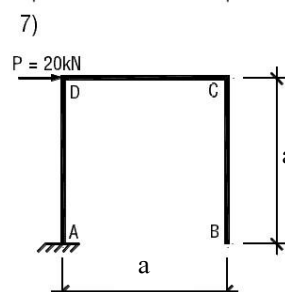
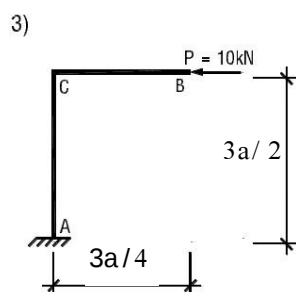
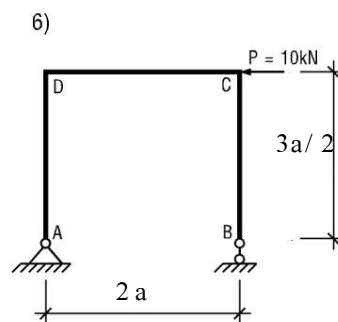
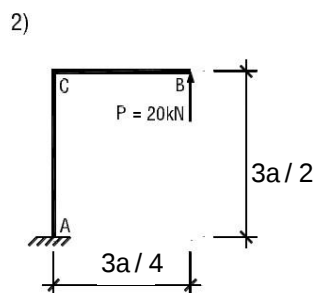
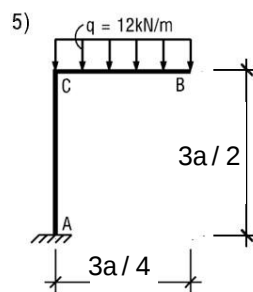
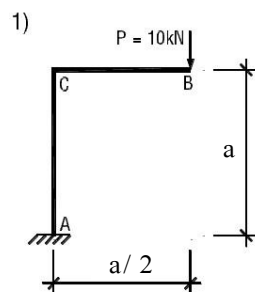
ĐỀ BÀI: Cho dầm có kích thước, sơ đồ chịu lực như hình vẽ.

Biết: Vật liệu có $[\sigma] = 16 \text{ kN/cm}^2$

Yêu cầu:

- 1) Vẽ biểu đồ nội lực Q_y , M_x bằng phương pháp mặt cắt.
- 2) Kiểm tra lại biểu đồ đã vẽ bằng phương pháp vẽ nhanh.
- 3) Thiết kế sơ bộ tiết diện cho dầm theo điều kiện ứng suất pháp cho điểm ở trạng thái ứng suất đơn.
Biết dầm có tiết diện hình chữ nhật $h=2b$.
- 4) Thống kê các đặc trưng hình học cho thiết diện vừa chọn.
- 5) Kiểm tra bền cho dầm ở 3 trạng thái ứng suất đã học. (Trạng thái ứng suất phẳng đặc biệt kiểm tra theo thuyết bền 4)



PHẦN C.**ĐỀ BÀI:** Tính và vẽ biểu đồ nội lực cho các khung tĩnh định sau:



DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: HK2 (2020 - 2021)

Lớp học phần: [021100206501] - Cơ học xây dựng (20C1-KXD1)

STT	Thông tin sinh viên						Thường xuyên						TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Hệ số 1			Hệ số 2						
							1	2	3	1	2	3				
1	20003641	Lê Tuấn	An	Nam	15/01/2002	20C1-KXD1	6.00			5.00			5.30			Nợ học phí
2	20005613	Vân Tấn	An	Nam	20/11/2002	20C1-KXD1	10.00			9.00			9.30	V		
3	20004467	Nguyễn Hồng	Bảo	Nam	05/08/2002	20C1-KXD1	5.00			5.00			5.00	V		
4	20004606	Đặng Trung	Biên	Nam	18/07/2002	20C1-KXD1	5.00			4.00			4.30	V		
5	20004460	Lê Thanh	Bình	Nam	24/09/2002	20C1-QXD1	5.00			4.00			4.30	V		
6	20004505	Nguyễn Thạch Viết	Chánh	Nam	27/05/1999	20C1-KXD1	0.00			4.00			2.70			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
7	20005044	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	09/08/2002	20C1-KXD1	3.00			5.00			4.30			Nợ học phí
8	20001459	Lê Hữu	Chung	Nam	01/05/2000	20C1-KXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
9	20004718	Võ Nhật	Cường	Nam	23/11/2002	20C1-KXD1	3.00			5.00			4.30			Nợ học phí
10	20004243	Trần Quốc	Đại	Nam	08/01/2001	20C1-QXD1	4.00			5.00			4.70	V		
11	20002638	Chung Đặng Trung	Dân	Nam	30/11/2002	20C1-KXD1	4.00			6.00			5.30	V		
12	20005551	Nguyễn Quang	Đạo	Nam	25/07/2001	20C1-QXD1	6.00			5.00			5.30			Nợ học phí
13	20001802	Nguyễn Công	Dược	Nam	17/02/2001	20C1-KXD1	10.00			9.00			9.30	V		
14	20005372	Lý Huỳnh Đức	Duy	Nam	14/01/2002	20C1-KXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
15	20004752	Võ Văn	Hảo	Nam	06/02/2002	20C1-KXD1	6.00			5.00			5.30	V		
16	20004921	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	31/01/2002	20C1-KXD1	7.00			4.00			5.00	V		
17	20005066	Nguyễn Lê Phi	Hùng	Nam	04/09/2002	20C1-QXD1	6.00			4.00			4.70	V		
18	20007612	Phạm Minh	Hùng	Nam	19/01/2002	20C1-KXD1	9.00			8.00			8.30	V		
19	19001902	Nguyễn Văn Lê	Huy	Nam	11/08/2001	19C1-KXD1	5.00			5.00			5.00	V		
20	20003787	Trần Khắc	Huy	Nam	19/12/2002	20C1-KXD1	4.00			4.00			4.00	V		
21	20005034	Phan Văn	Khương	Nam	15/09/2001	20C1-QXD1	8.00			8.00			8.00	V		
22	20005111	Trần Nhật	Nam	Nam	02/12/2002	20C1-KXD1	4.00			5.00			4.70	V		
23	20002951	Bùi Đức	Nghĩa	Nam	18/01/1997	20C1-QXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
24	18001780	Huỳnh Anh	Phong	Nam	29/08/2000	18C1-KXD1	6.00			4.00			4.70	V		
25	20003156	Lê	Quan	Nam	13/10/2000	20C1-KXD1	5.00			4.00			4.30			Nợ học phí
26	20001548	Nguyễn Hữu	Quốc	Nam	26/04/2002	20C1-KXD1	4.00			4.00			4.00	V		
27	20004706	Phạm Thành	Tâm	Nam	07/08/2002	20C1-QXD1	5.00			5.00			5.00	V		
28	20003159	Đào Anh	Thái	Nam	08/05/2001	20C1-KXD1	8.00			4.00			5.30			Nợ học phí
29	20005652	Trịnh Quốc	Thái	Nam	30/09/2002	20C1-KXD1	5.00			4.00			4.30	V		
30	20004762	Đỗ Minh	Thành	Nam	02/02/2002	20C1-KXD1	5.00			4.00			4.30	V		
31	20004644	Nguyễn Nhựt	Thành	Nam	11/01/2002	20C1-KXD1	5.00			5.00			5.00	V		
32	20004161	Trần Văn	Thành	Nam	31/08/2002	20C1-KXD1	4.00			5.00			4.70	V		
33	20004784	Trần Văn	Thương	Nam	27/06/2002	20C1-QXD1	8.00			6.00			6.70	V		
34	20005200	Võ Văn	Thường	Nam	20/06/2002	20C1-KXD1	8.00			5.00			6.00	V		
35	20005501	Bùi Đức	Tính	Nam	02/11/2002	20C1-KXD1	5.00			4.00			4.30			Nợ học phí
36	20003458	Phạm Trần Bình	Trọng	Nam	30/07/2002	20C1-KXD1	0.00			0.00			0.00			Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
37	20004951	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	17/01/2002	20C1-KXD1	7.00			5.00			5.70	V		
38	20003910	Cao Thanh	Tú	Nam	09/05/1999	20C1-QXD1	9.00			8.00			8.30	V		
39	20003066	Vũ Quang	Tùng	Nam	05/11/2000	20C1-KXD1	7.00			4.00			5.00	V		
40	20004533	Vương Trần	Vũ	Nam	01/11/2001	20C1-QXD1	4.00			4.00			4.00			Nợ học phí
41	20004070	Trương Thanh	Xương	Nam	28/06/2002	20C1-QXD1	0.00			5.00			3.30			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
Tổng cộng: 41																

TP. HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Thạch